

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 01 – 2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1063/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Lê T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Thanh T – Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Trúc H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Thường trú: phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; *Tạm trú:* 179 Đường B, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Lê T và cũng như tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Trúc H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 ngày 09/9/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng

không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vì con cái, gia đình hai bên đã bỏ qua cho nhau nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không hòa hợp, không thấu hiểu nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông đã dọn về quê Thái Nguyên sinh sống từ tháng 3/2019 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Trúc Hà.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018 hiện đang ở với bà H. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con 10.000.000 đồng/tháng. Nếu trường hợp bà H không có điều kiện nuôi con thì ông sẽ trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Trúc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận ông T trình bày về quá trình kết hôn và chung sống là đúng. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhất trong việc chăm sóc con, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019, ông T đã bỏ về Thái Nguyên sống cho đến nay. Hàng tháng ông T vẫn vào thăm con. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì bà muốn hòa giải để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình và hai con còn nhỏ cần tình cảm người cha.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018 hiện đang ở với bà. Trong trường hợp ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con 10.000.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Lê T trình bày: Cuộc sống hôn nhân giữa ông Trần Lê T và bà Trần Trúc H đã thực sự trầm trọng, bà H không quan tâm, chăm sóc ông T như vợ chồng, không một lần nấu cơm cho ông, cũng như không làm tròn trách nhiệm làm vợ của mình. Khi mẹ ông T bệnh nặng, bà H cũng không một lần hỏi thăm mẹ chồng, không làm tròn trách nhiệm con dâu. Ông Trần Lê T đã dọn về Thái Nguyên sinh sống từ tháng 3/2019 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, bà H chỉ liên lạc cho ông Thái mỗi tháng để yêu cầu ông gửi tiền, ngoài ra cũng không hỏi thăm gì nữa, tình cảm giữa vợ chồng không còn nên ông Trần Lê T yêu cầu ly hôn với bà Trần Trúc H.

Về con chung: Ông Trần Lê T và bà Trần Trúc H có 02 con chung là cháu Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và cháu Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018. Ông T đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi và cấp dưỡng nuôi mỗi con 10.000.000

đồng/tháng. Nếu trường hợp bà H không có điều kiện nuôi con thì ông T sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

- Bà H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng nuôi mỗi con 10.000.000 đồng/tháng. Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 ngày 09/9/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, bà H cư trú tại quận Tân Phú. Nay ông T yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn – bà Trần Trúc H: Xét thấy bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn. Bà H không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 3/2019 không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa ông T và bà H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện hai trẻ Ánh D và Ánh M còn nhỏ, do bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Bà H có yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng/trẻ, nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2020, thực hiện vào ngày đầu mỗi tháng và chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012928 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê T

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lê T được ly hôn với bà Trần Trúc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh cấp ngày 09/9/2016 cho ông Trần Lê T và bà Trần Trúc H hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Trần Ánh D, sinh ngày 05/10/2016 và Trần Ánh M, sinh ngày 14/10/2018 cho bà Trần Trúc H trực tiếp nuôi; Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng nuôi mỗi con 10.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2020, thực hiện vào ngày đầu mỗi tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí: Ông Trần Lê T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, ông Thái đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012928 ngày 15/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng do ông Trần Lê T phải chịu.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trần Lê T và bà Trần Trúc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Quyên